

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tiến
2. Bà Đoàn Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 106/2018/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 4 năm 2018 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Công T được tự do tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống làm ăn tại thôn T, xã H, huyện B, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2014, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T hay ghen tuông vô cớ, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng trong cuộc sống và tình cảm. Chị đã nhiều lần nói chuyện, bỏ qua cho anh nhưng anh không sửa đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng. Đầu năm 2018, vợ chồng chị tiếp tục cãi nhau và chị đã bỏ về nhà cậu ruột ở xã T, huyện B sống ly thân với anh từ đó cho đến nay, cuộc sống vợ chồng xa cách, không còn tình cảm, không còn trách nhiệm và quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định cuộc sống vợ chồng với anh T không có hạnh phúc vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 02/3/2013 và cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 27/01/2015, hiện nay các cháu đang ở với anh T. Ly hôn, nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu Nguyễn Thu T. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Công T trình bày (Tại bản tự khai ngày 20/6/2018): Anh thừa nhận lời khai của chị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đúng. Anh thừa nhận từ ngày hai vợ chồng anh sống ly thân, chị cũng không quan tâm tới cuộc sống gia đình, tình cảm với chồng và các con. Nay chị H xin ly hôn anh, quan điểm của anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh thừa nhận có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Ly hôn, nguyện vọng của anh xin được nuôi cả hai cháu. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập, kiểm tra, công khai tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên toà đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Đề nghị giao cho chị H được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thu T, sinh năm 2015, giao cho anh T được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Đức A, sinh năm 2013. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn là anh Nguyễn Công T cư trú tại thôn T, xã H, huyện B nên quan hệ pháp luật trong vụ

án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của các đương sự và lời khai tại phiên tòa thể hiện: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Công T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng, anh T không tôn trọng vợ, hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau, bất đồng trong cuộc sống, tình cảm không tìm được tiếng nói chung. Đó là nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Đầu năm 2018, chị H đã bỏ về nhà cậu ruột của mình ở xã T, huyện B và sống ly thân hoàn toàn với anh T, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Công T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Công T thừa nhận có hai con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 02/3/2013 và cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 27/01/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh T tại thôn Tam L, xã H, huyện B. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, điều kiện về chỗ ở, thu nhập của các đương sự là như nhau, chị H có nghề nghiệp là công nhân có thu nhập ổn định khoảng 05 – 06 triệu đồng một tháng, anh T có nghề nghiệp làm công nhân Công ty Vina Union có thu nhập khoảng 06 – 07 triệu đồng một tháng. Do vậy để đảm bảo sự chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ cũng như quyền lợi của hai cháu cần thiết giao cháu Nguyễn Đức A cho anh Nguyễn Công T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thu T cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hai bên không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-

UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Công T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2015. Giao cho anh Nguyễn Công T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2013 (Hiện hai cháu A, T đang ở cùng với anh T). Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002668 ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- UBND xã H, H.B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Anh Vũ